

NGUYỄN THỊ MAI CHANH – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN (Đồng Chủ biên)
TRẦN LÊ BẢO – TRẦN THỊ THU HƯƠNG – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH

GIÁO TRÌNH
THỂ LOẠI VÀ TÁC GIA TIÊU BIỂU
VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ MAI CHANH - NGUYỄN THỊ MAI LIÊN

(Đồng Chủ biên)

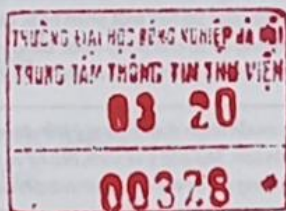
TRẦN LÊ BẢO - TRẦN THỊ THU HƯƠNG

NGUYỄN THỊ DIỆU LINH

GIÁO TRÌNH

THỂ LOẠI VÀ TÁC GIA TIÊU BIỂU

VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LỜI NÓI ĐẦU	5
Phần một. KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	9
<i>Chương 1. VẤN ĐỀ ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ CÁC NƯỚC PHƯƠNG ĐÔNG</i>	<i>9</i>
1.1. Đặc điểm địa lí, lịch sử, xã hội, văn hoá phương Đông	9
1.2. Đặc điểm địa lí, lịch sử, xã hội, văn hoá Trung Quốc	12
1.3. Đặc điểm địa lí, lịch sử, xã hội, văn hoá Ấn Độ	21
1.4. Đặc điểm địa lí, lịch sử, xã hội, văn hoá Nhật Bản	30
<i>Chương 2. TOÀN CẢNH VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG</i>	<i>41</i>
VÀ TOÀN CẢNH SỰ PHÁT TRIỂN THỂ LOẠI VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	41
2.1. Khái niệm văn học phương Đông và toàn cảnh sự phát triển thể loại văn học phương Đông	41
2.2. Đặc trưng và cách tiếp cận văn học phương Đông	46
Phần hai. TRỮ TÌNH VÀ CÁC TÁC GIA, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU	53
<i>Chương 1. KINH THI</i>	<i>54</i>
1.1. Khái quát về <i>Kinh Thi</i>	54
1.2. Giá trị nội dung	59
1.3. Giá trị nghệ thuật	72
<i>Chương 2. THƠ ĐƯỜNG</i>	<i>78</i>
2.1. Khái niệm và hiện tượng “bách hoa tể phóng” của thơ Đường	78
2.2. Đặc điểm thể loại	80
2.3. Phân kì lịch sử thơ Đường	86
2.4. Các tác gia tiêu biểu	103
<i>Chương 3. THƠ HAIKU VÀ MATSUGO BASHO</i>	<i>127</i>
3.1. Bối cảnh xã hội và văn học	127
3.2. Đặc điểm thơ Haiku	129
3.3. Nghệ thuật cảm nghiệm thơ Haiku	151
3.4. Matsuo Basho – Linh hồn Nhật Bản	152
<i>Chương 4. THƠ VĂN XUÔI RABINDRANATH TAGORE</i>	<i>157</i>
4.1. Thời đại – gia đình – cá tính – sự nghiệp sáng tác	157
4.2. Đặc điểm thơ văn xuôi của R. Tagore	160
<i>Chương 5. THƠ ĐƯƠNG ĐẠI TRUNG QUỐC</i>	<i>174</i>
5.1. Sự chuyển biến trong quan niệm nghệ thuật của thơ đương đại	174
5.2. Trào lưu <i>Thơ mộng lung</i>	181
5.3. Một số tác gia tiêu biểu	187
Phần ba. TỰ SỰ VÀ CÁC TÁC GIA, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU	194
<i>Chương 1. THẦN THOẠI</i>	<i>196</i>
1.1. Thần thoại Trung Quốc	197

1.2. Thần thoại Ấn Độ	206
1.3. Thần thoại Nhật Bản	225
Chương 2. SỬ THI – TÁC GIA, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU	233
2.1. Thời đại phản ánh và thời gian ra đời của các sử thi Ấn Độ	233
2.2. Sử thi <i>Mahabharata</i>	234
2.3. Sử thi <i>Ramayana</i>	244
Chương 3. TIỂU THUYẾT CHƯƠNG HỒI MINH THANH	255
3.1. Khái quát về tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh	255
3.2. <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> (La Quán Trung) – Mẫu mực của tiểu thuyết diễn nghĩa lịch sử	262
3.3. <i>Thủy hử truyện</i> (Thi Nại Am) – Khởi đầu ngoạn mục của tiểu thuyết truyện kì anh hùng	269
3.4. <i>Tây du kí</i> (Ngô Thừa Ân) – Kết tinh của tiểu thuyết thần ma	277
3.5. <i>Kim Bình Mai</i> (Tiểu Tiểu Sinh) – Mở đầu cho tiểu thuyết thế tình	286
3.6. <i>Hồng lâu mộng</i> (Tào Tuyết Cần, Cao Ngạc) – Tập đại thành của tiểu thuyết thế tình	291
Chương 4. TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI	301
4.1. Yasunari Kawabata và cuộc lữ hành đi tìm cái đẹp	301
4.2. Haruki Murakami – Nhà văn đứng về “phe trứng”	332
4.3. Tiểu thuyết của Mạc Ngôn – “người kể chuyện” của Cao Mật và thế giới	351
Chương 5. TRUYỆN NGẮN	362
5.1. Đoàn thiên tiểu thuyết và <i>Liêu trai chí dị</i> (Bồ Tùng Linh)	362
5.2. Truyện ngắn hiện đại – Lỗ Tấn	367
Phần bốn. KỊCH VÀ CÁC TÁC GIA, TÁC PHẨM TIÊU BIỂU	407
Chương 1. KỊCH SHAKUNTALA – KỈ CÔNG THỨ NHẤT CỦA VĂN HỌC CỔ ĐIỂN ẤN ĐỘ	409
1.1. Kalidasa – Bé tội của thần Kali	409
1.2. Chuyện tình nàng Shakuntala	409
1.3. Xung đột trong vở kịch <i>Shakuntala</i>	411
1.4. Nhân vật kịch <i>Shakuntala</i>	413
Chương 2. KỊCH NOH NHẬT BẢN	421
2.1. Noh – Một thế giới độc đáo của văn hoá Nhật Bản	421
2.2. Zeami và <i>Hoa truyền thư</i>	424
2.3. Noh – Từ Nhật Bản đến thế giới	426
Chương 3. KỊCH HIỆN ĐẠI TRUNG QUỐC: TRƯỜNG HỢP TÀO NGU	428
3.1. Cuộc đời và sự nghiệp của Tào Ngụ	428
3.2. Tác phẩm tiêu biểu: <i>Lôi vũ</i>	429
3.3. Địa vị và ảnh hưởng của Tào Ngụ	436
TÀI LIỆU THAM KHẢO	437
CHỈ MỤC	442

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình *Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông* ra đời theo định hướng chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp dạy học; coi người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Khác với các giáo trình Văn học Nước ngoài trước đây giới thiệu nội dung văn học theo lịch sử và chia tách thành từng nước trong khu vực châu Á, giáo trình *Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông* đã trình bày nội dung văn học phương Đông từ góc độ thể loại, lịch sử và văn hoá, gồm chung văn học các dân tộc phương Đông theo tiêu chí thể loại văn học.

Mục đích của Giáo trình trước hết là cung cấp những kiến thức phong phú và độc đáo về văn học của các dân tộc phương Đông, giúp người học rung động trước cảnh đẹp và con người của các nước phương Đông, từ đó tiếp nhận và kế thừa cái hay cái đẹp, tinh hoa của những nền văn học này, đặng bồi đắp cho nền văn học Việt Nam thêm phong phú và phát triển rực rỡ hơn. Hiểu được văn học phương Đông và khu vực, chúng ta thêm trân trọng bản sắc văn hoá dân tộc được thể hiện qua những áng văn chương đặc sắc Việt Nam, tăng thêm niềm tự hào và tinh thần yêu nước cũng như tính nhân bản sâu sắc Việt Nam.

Bên cạnh việc cung cấp những tri thức về đất nước, con người của các dân tộc phương Đông, Giáo trình còn chú ý giáo dục kỹ năng học tập Ngữ văn cho sinh viên. Trước hết là năng lực cảm thụ văn học. Muốn có năng lực cảm thụ văn học tốt, người học cần vượt qua rào cản ngôn ngữ để có thể trực tiếp đọc văn bản, cảm nhận được cái hay, cái đẹp của nghệ thuật ngôn từ của dân tộc bản địa. Tiếp đó, người học cần bồi đắp tri thức về địa lí, lịch sử, xã hội, văn hoá (triết học, tôn giáo, phong tục tập quán...) của dân tộc bản địa để hiểu rõ hơn những tác gia, tác phẩm của dân tộc đó. Cố nhiên, tiềm năng cảm thụ văn học của mỗi người có thể khác nhau, nhưng đọc nhiều tài liệu cũng là cách nâng cao năng lực cảm thụ văn học của mỗi người.

Cùng với việc định hướng cảm thụ văn học qua bài giảng của giáo viên, sinh viên cũng cần tự nghiên cứu, tự học tập để “biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo” thì học tập văn chương mới có kết quả thật sự. Học tập nói chung và học tập văn chương nói riêng đều cần say mê hứng thú, độc lập suy nghĩ và sáng tạo mới mong có thể tiến lên được.

“Học” và “hành” phải đi đôi với nhau. Ngoài việc gợi dẫn nội dung học ở trên lớp, thông qua bài giảng và hướng dẫn thực hành của giáo viên qua những tiết thực hành, cuốn giáo trình này còn cung cấp hệ thống tài liệu tham khảo, hệ thống câu hỏi và những bài tập, hệ thống đề tài để sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu vừa mở rộng kiến thức vừa nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời có thể làm tốt hơn những bài tiểu luận, sau này là khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ.

Giáo trình *Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông* đã hệ thống những kiến thức cơ bản của văn học các dân tộc phương Đông theo tiêu chí thể loại. Những thể loại này được sắp xếp vừa theo thời gian lịch sử vừa theo không gian của văn học các quốc gia dân tộc, đồng thời làm nổi bật những thể loại, tác gia, tác phẩm tiêu biểu trong những nền văn học tiêu biểu có quan hệ đến văn học Việt Nam. Giáo trình có cấu trúc gồm bốn phần:

- 1) Khái quát về văn học phương Đông;
- 2) Trữ tình và các tác gia, tác phẩm tiêu biểu;
- 3) Tự sự và các tác gia, tác phẩm tiêu biểu;
- 4) Kịch và các tác gia, tác phẩm tiêu biểu.

Trong mỗi phần lại cấu trúc thành các chương. Phần mở đầu khái quát về địa lí, lịch sử, xã hội, văn hoá và văn học khu vực; tiếp đến là các phần về thể loại văn học, được sắp xếp theo thời gian, trong đó có các tác gia, tác phẩm tiêu biểu. Giáo trình *Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông* như đã được lựa chọn, là sự tập hợp của những tác gia, tác phẩm tiêu biểu trong văn học Trung Quốc, văn học Ấn Độ và văn học Nhật Bản theo những tiêu chí và hệ thống nhất định. Cái gọi là văn học phương Đông ở đây được lựa chọn từ những trường phái, tác gia, tác phẩm tiêu biểu của các nước phương Đông như trên đã trình bày, còn văn học Đông Nam Á chưa có dịp giới thiệu ở đây. Những tác gia, tác phẩm của ba nước được quan tâm gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản được trình bày trong giáo trình vừa phải đảm bảo tính văn hoá, tính lịch sử, vừa đảm bảo tính thể loại. Thể loại nào ra đời trước sẽ được trình bày trước, đảm bảo lịch sử kế thừa và phát triển văn học của mỗi nước, đồng thời còn làm rõ mối quan hệ của văn học với văn hoá trong từng nước, thì mới làm rõ được đặc sắc từng thể loại văn học đã được lựa chọn trình bày trong giáo trình này.

Phương pháp tiếp cận chủ yếu của giáo trình là: phương pháp loại hình để tìm ra những đặc điểm chung của từng thể loại; phương pháp liên ngành của Văn hoá học đem đến cái nhìn tổng hợp về nguyên nhân ra đời, đặc trưng diễn hoá các thể loại, kể cả việc giao lưu tiếp nhận những tinh hoa văn hoá giữa các

dân tộc thể hiện trong từng thể loại văn học; phương pháp so sánh để lí giải tính độc đáo của từng tác gia, tác phẩm trong tính chung của thể loại.

Giáo trình *Thể loại và tác gia tiêu biểu văn học phương Đông* do nhóm tác giả là những giảng viên được đào tạo bài bản ở cả trong và ngoài nước, có thâm niên nghiên cứu và giảng dạy văn học châu Á ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội biên soạn. Giáo trình đã tích hợp nhiều kiến thức về văn hoá, văn học, thể loại văn học, những tác gia, tác phẩm điển hình từ nhiều nền văn học phương Đông. Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả cũng không thể tránh khỏi những sơ suất, chúng tôi rất mong nhận được góp ý của độc giả để công trình ngày càng hoàn thiện hơn.

Hà Nội, mùa đông năm Tân Sửu

Nhóm tác giả

1.1. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ, XÃ HỘI VĂN HOÁ PHƯƠNG ĐÔNG

Về không gian: Khu vực phương Đông bao gồm toàn bộ các nước phương Đông và đối sánh với các nước phương Tây.

Về chủng tộc: Khác với người phương Tây da trắng, người phương Đông chủ yếu da vàng hoặc nâu.

Thao tác học văn hoá: Nền văn hoá phương Đông đặc trưng bởi tính thần thánh đồng, còn phương Tây đặc trưng bởi khái niệm cá nhân. Triết học phương Tây nghiêng về nghiên cứu khách thể, thể hiện chủ nghĩa lí tưởng, chú trọng hướng về khoa học, hướng ngoại và khách quan. Triết học phương Đông chủ yếu lấy con người làm gốc, lấy xã hội làm trung tâm, thể hiện màu sắc chấp nhận định mệnh, chú trọng của nó là chủ nghĩa nhân bản đặc trưng.

Văn hoá phương Đông là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do các dân tộc phương Đông sáng tạo ra, thể hiện diện mạo tinh thần của các dân tộc phương Đông, khác với văn hoá của các dân tộc khu vực văn hoá khác.

Về cội nguồn, văn hoá phương Đông bao gồm bốn nền văn hoá: Ai Cập, Babylon, Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại. Tuy nhiên, sau đó Ba Tư đã làm biến đổi Babylon (thế kỉ VI - V TCN), Hy Lạp đã áp đảo vào văn hoá phương Tây vào Ai Cập (thế kỉ IV - I TCN), vì vậy tìm hiểu văn hoá phương Đông, trong dài hạn cho phép, trước hết cần tìm hiểu hai nền văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa và cội nguồn của nó và phát triển bên cạnh, lại có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá của các dân tộc phương Đông, trong đó có văn hoá Việt Nam. Bên cạnh đó còn tìm hiểu thêm nền văn hoá Nhật Bản, một nền văn hoá đã biết

Phần một

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

Chương 1

VẤN ĐỀ ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ CÁC NƯỚC PHƯƠNG ĐÔNG

1.1. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ PHƯƠNG ĐÔNG

Về không gian: Khu vực phương Đông bao gồm toàn bộ các nước phương Đông và đối sánh với các nước phương Tây.

Về chủng tộc: Khác với người phương Tây da trắng, người phương Đông chủ yếu da vàng hoặc nâu.

Theo nhân học văn hoá: Nền văn hoá phương Đông đặc trưng bởi tinh thần cộng đồng, còn phương Tây đặc trưng bởi khái niệm cá nhân. Triết học phương Tây nghiêng về nghiên cứu khách thể, thể hiện chủ nghĩa lí tính, chủ lưu hướng về khoa học, hướng ngoại và khách quan. Triết học phương Đông chủ yếu lấy con người làm gốc, lấy xã hội làm trung tâm, thể hiện màu sắc nhân văn đậm đà, chủ lưu của nó là chủ nghĩa nhân bản thực dụng...

Văn hoá phương Đông là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần do các dân tộc phương Đông sáng tạo ra, thể hiện diện mạo tinh thần của các dân tộc phương Đông, khác với văn hoá của các dân tộc khu vực văn hoá khác.

Về cội nguồn, văn hoá phương Đông bao gồm bốn nền văn hoá: Ai Cập, Babylon, Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại. Tuy nhiên, sau đó Ba Tư đã làm biến đổi Babylon (thế kỉ VI – V TCN), Hy Lạp đã áp đặt văn hoá phương Tây vào Ai Cập (thế kỉ IV – I TCN), vì vậy tìm hiểu văn hoá phương Đông, trong thời lượng cho phép, trước hết cần tìm hiểu hai nền văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa vốn có cội nguồn sâu xa và phát triển liên tục, lại có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá của các dân tộc phương Đông, trong đó có văn hoá Việt Nam. Bên cạnh đó nên tìm hiểu thêm nền văn hoá Nhật Bản, một nền văn hoá đã biết

tiếp nhận nhiều giá trị tinh hoa văn hoá của các cộng đồng dân tộc khác, đồng thời vẫn giữ được bản sắc văn hoá dân tộc để đưa đất nước phát triển hiện đại đạt tới vị trí siêu cường quốc tế. Ngoài ra cần bổ sung phần văn hoá khu vực Đông Nam Á để mở rộng kiến thức về mối quan hệ của Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện nay, phục vụ cho việc nghiên cứu Việt Nam trong khu vực châu Á và thế giới. Cố nhiên không loại trừ những liên hệ so sánh với văn hoá, văn học các nước khác trong và ngoài khu vực phương Đông.

Về loại hình, văn hoá phương Đông thiên về gốc văn hoá nông nghiệp, văn hoá phương Tây thiên về gốc văn hoá du mục và thương nghiệp. Từ hai loại hình cơ bản này có thể so sánh để làm rõ hơn sự khác biệt giữa văn hoá châu Âu nói riêng, phương Tây nói chung và văn hoá châu Á nói riêng, phương Đông nói chung từ những khác biệt về gốc, về địa bàn cư trú, nghề sinh sống, cách sống, dẫn đến những khác biệt trong nhận thức về vũ trụ, về xã hội và con người, về lối tư duy, lối sống thể hiện qua mối quan hệ với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Như vậy, đặc trưng khu vực về gốc là đặc trưng mang tính định hướng về chất của hai loại hình văn hoá gốc nông nghiệp và gốc du mục.

Cư dân gốc du mục phải lấy đồng cỏ thảo nguyên, nơi cao ráo làm chỗ sinh sống, trước hết về nghề sinh sống chính là chăn nuôi gia súc, cần đồng cỏ để chăn thả. Và phải theo đàn gia súc đi hết đồng cỏ này tới đồng cỏ khác nên chỗ ở của họ cũng không thể ổn định (du cư). Phương tiện đi ở cũng vì vậy mà gọn gàng, giản tiện để có thể tháo dựng cũng như chuyển chỗ nhanh chóng, gọn nhẹ. Cách thức ứng xử với môi trường tự nhiên thường là chinh phục.

Cư dân gốc nông nghiệp sống phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Nơi sinh sống chủ yếu phải là những vùng đồng bằng, có sông ngòi. Nghề chính là trồng lúa trên đồng ruộng, nên cách sống là phải định cư, nhà cửa ít di dời, sống hài hoà với tự nhiên, luôn quan tâm đến khí hậu, thời tiết mùa vụ, nguồn nước, đất đai canh tác, cây cối quanh môi trường sống. Cũng vì vậy, họ luôn cầu mong “mưa thuận gió hoà”, ngô lúa tốt tươi, “con đàn cháu đống” luôn quần tụ bên nhau.

Về lối tư duy, hai loại hình văn hoá cũng tạo nên những khác biệt của hai kiểu tư duy trái ngược. Đối với cư dân gốc nông nghiệp, cuộc sống dường như hoàn toàn lệ thuộc vào tự nhiên, đối tượng phải quan sát và theo dõi của họ vừa rộng (trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông gió), lại vừa dài (trông ngày, trông đêm). Mặt khác, nhiều nơi nhờ tự nhiên ban tặng cho nguồn nước với nhiều phù sa màu mỡ, nhiệt độ và độ ẩm cao, mưa nắng thuận lợi, chỉ bỏ ít sức lao động mà vẫn được thu hoạch, vì vậy họ chỉ cần

thuận theo tự nhiên mà sống, cũng chẳng cần đi sâu vào phân tích, lí giải như các cộng đồng gốc du mục châu Âu, phương Tây; cho nên tư duy của họ là tư duy trực giác, mang tính tổng hợp và kéo theo là tính biện chứng và duy linh. Nét độc đáo của tư duy cư dân nông nghiệp là tổng hợp nhằm bao quát được nhiều yếu tố, nhiều hiện tượng, biện chứng để tìm ra những mối quan hệ, liên hệ giữa các yếu tố, các phạm trù. Điều này tạo nên nét đặc trưng tính cách con người châu Á, phương Đông nông nghiệp là ưa quan sát và đúc rút kinh nghiệm để truyền lại cho thế hệ sau, đặc biệt là những kinh nghiệm về quan hệ giữa con người với tự nhiên và xã hội.

Đối với cư dân gốc du mục hay thương nghiệp, do nhu cầu hoạt động nghề nghiệp để sống, con người cần chinh phục đồng cỏ và những vùng xa xôi, đặc biệt là chinh phục biển lớn đòi hỏi con người phải có lối tư duy phân tích, mổ xẻ để làm rõ đối tượng. Lối tư duy này sẽ kéo theo tính siêu hình và duy lí, tức là chú trọng, quan tâm tới việc khái quát hoá, trừu tượng hoá từ những cái cụ thể thành các quy luật khoa học.

Hai loại hình tư duy trên có những mặt mạnh và mặt yếu khác nhau. Chẳng hạn, lối tư duy tổng hợp chỉ tập trung vào đại thể mà ít chú ý đến chi tiết, cho nên việc hình thành khoa học chuyên sâu rất khó khăn, song lối diễn đạt thường ngắn gọn, dùng nhiều hình ảnh cụ thể, hàm súc và dễ thuyết phục, có phạm vi áp dụng rộng rãi. Lối tư duy phân tích thì ngược lại, nhờ lối phân tích và có thực chứng nên dễ hình thành, phát triển khoa học chuyên sâu, cách chứng minh, biện luận cũng vì thế mà rõ ràng, khách quan và có sức thuyết phục. Tuy nhiên, tính siêu hình dễ làm méo mó bản chất sự vật khách quan nếu như sử dụng một hiện tượng cụ thể không điển hình, và lại ít có sức thuyết phục trong một phạm vi áp dụng rộng lớn. Tuy nhiên, từ khi có sự giao lưu văn hoá giữa Á và Âu, Đông và Tây, hai loại hình tư duy này đã bổ sung cho nhau, để con người có thể tư duy tốt nhất bằng cả hai loại hình tư duy trong những lúc ứng xử cần thiết và phù hợp.

Về tổ chức cộng đồng, cư dân gốc nông nghiệp cần có sức người để lao động nên đề cao tính cộng đồng, trọng gia đình, trọng huyết thống và dòng họ. Cũng vì thế cho nên họ đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ đối với gia đình, cộng đồng, ưa lối sống trọng tình cảm, từ đó dễ dẫn đến trọng đức, trọng văn và trọng phụ nữ. Trọng tình trong tổ chức cộng đồng dễ dẫn đến lối ứng xử mềm dẻo, hoà hiếu; trọng tĩn, hướng nội, khép kín. Mặt khác, cư dân gốc du mục coi trọng cá thể và coi trọng quyền lợi cá nhân, hướng ngoại và cởi mở. Ngoài ra, tư duy phân tích dễ dẫn đến lối sống theo những nguyên tắc đã đề ra, yêu cầu tính kỉ luật cao, trọng động, coi trọng sức mạnh, trọng võ, trọng tài năng và dễ xử lí theo thế mạnh của quyền lực và pháp lí.

1.2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ TRUNG QUỐC

Văn học Trung Quốc là bộ phận của văn học phương Đông, là lịch sử tinh thần của cộng đồng các dân tộc Trung Hoa, thể hiện ở những trào lưu văn học, những thể loại và những tác gia, tác phẩm tiêu biểu làm nên nền văn học này. Tuy nhiên, trước khi tìm hiểu nền văn học Trung Quốc, cần tìm hiểu những tiền đề góp phần hình thành nền văn học này.

1.2.1. Địa lí

Tên nước “Trung Quốc” giải thích theo ngữ nghĩa, có nghĩa là nước ở giữa. Trung Quốc là đất của tộc Hoa Hạ. Vùng đất này ở phía Nam và Bắc sông Hoàng Hà (theo sách *Lễ Kí*). Về sau, các hoàng đế Trung Hoa thôn tính các dân tộc khác, tràn xuống phía nam và phát triển về phía tây, mở rộng bờ cõi mà thành nước Trung Quốc như ngày nay.

Trung Quốc là quốc gia có lãnh thổ lớn thứ tư thế giới (sau Liên bang Nga, Canada, Mỹ), rộng gần 9,6 triệu km².

Đất nước Trung Quốc vô cùng rộng lớn nên có đến bảy vùng khí hậu khác nhau: xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới ẩm, ôn đới, ôn đới lạnh, khí hậu cao nguyên.

Địa hình Trung Quốc thấp dần từ tây sang đông, với núi và cao nguyên chiếm 60% lãnh thổ. Các núi cao nổi tiếng trên đất Trung Quốc như Côn Lôn (nằm giữa Tây Tạng và Tân Cương) cao hơn 7.000 m; Thiên Sơn (Tân Cương) cao hơn 7.000 m; Tần Lĩnh (Cam Túc, Thanh Hải) cao gần 4.000 m; Hoàng Đoạn (Tứ Xuyên, Vân Nam, miền đông Khu tự trị Tây Tạng) cao hơn 7.000 m...

Trung Quốc cũng có nhiều con sông lớn thông ra biển, tiêu biểu như: Hoàng Hà dài 5.464 km, Dương Tử Giang dài 6.300 km, Hắc Long Giang dài 2.824 km, Châu Giang dài 2.200 km... Hai hồ lớn nhất và nổi tiếng là Động Đình rộng 2.820 km² thuộc địa phận tỉnh Hồ Nam; Thái Hồ rộng 2.250 km² thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

Điều kiện địa lí tự nhiên rộng lớn, nhiều loại hình khu vực khác biệt, khí hậu đa dạng, tài nguyên phong phú, cùng với số dân đông đảo là những tiền đề thuận lợi để các dân tộc trên lãnh thổ Trung Hoa xây dựng và phát triển đất nước.

Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới – hơn 1,44 tỉ người (2021), với tỉ lệ gia tăng dân số rất cao.

Lịch sử Trung Quốc ghi chép sông Hoàng Hà thường gây lũ lụt, để lại hậu quả lớn cho nhân dân. Nhưng chính dòng sông này đã bồi đắp phù sa màu mỡ làm nên những mảnh đất phì nhiêu, tạo điều kiện cho sự phát triển tương đối sớm của

nông nghiệp. Chính vì vậy, Trung Hoa là một trong những cái nôi văn minh sớm nhất trong lịch sử loài người.

Dựa vào những chứng cứ từ các tài liệu khảo cổ học, các nhà khoa học đều thừa nhận rằng văn hoá Trung Hoa phát nguyên từ lưu vực trung và hạ lưu sông Hoàng Hà cách nay hơn 5.000 năm. Khi mới định hình (vào khoảng thế kỉ XXI TCN), địa bàn Trung Quốc mới chỉ là một vùng nhỏ ở trung lưu sông Hoàng Hà. Từ đó, lãnh thổ Trung Quốc được mở rộng dần cho đến thế kỉ III TCN, phía bắc của cương giới Trung Quốc chưa vượt quá dãy Vạn Lí Trường Thành ngày nay, phía tây mới đến đông nam tỉnh Cam Túc và phía nam chỉ bao gồm một dải đất nằm theo hữu ngạn sông Trường Giang. Điều này cho thấy nền văn hoá Trung Hoa là một trong những nền văn hoá cổ xưa và có truyền thống lâu đời.

Trung Hoa hiện nay là một quốc gia rộng lớn. Miền tây đất cao có nhiều núi khí hậu khô hanh, miền đông thấp hơn lại gần biển khí hậu tương đối ôn hoà. Chính điều này đã góp phần tạo nên tính đa dạng trong bức tranh văn hoá Trung Quốc. Ở Trung Hoa không chỉ có văn minh lúa nước, mà còn có cả đồng cỏ phù hợp với văn minh du mục, có văn hoá miền núi lại có cả văn hoá biển. Sự đa dạng của các đới khí hậu dẫn đến sự đa dạng trong điều kiện sống. Từ đó làm nên tính cách đa dạng và hài hoà của con người Trung Hoa, đặc biệt tính cách Trung Hoa là sự kết hợp giữa những giá trị tưởng như đối lập của cả văn minh nông nghiệp và văn minh du mục, được phản ánh trong triết học và văn học của nước này.

Một đặc điểm quan trọng về mặt địa lí của Trung Hoa là sự phong bế về mặt địa lí: đông giáp biển, bắc giáp sa mạc, tây có núi cao chắn... Đặc điểm này đã tạo nên sự ngộ nhận về “tính chinh thế”, “tính toàn vẹn” của văn hoá và văn học Trung Hoa. Quan điểm này đã trở thành nguyên tắc tối cao, vô thượng và có những ảnh hưởng tới những nhận định về “địa văn hoá”, cũng như “văn hoá chính trị” của Trung Quốc, mà cách đặt tên nước là một biểu hiện rõ ràng. Mô hình thế giới của người “Trung Quốc” chỉ coi quốc gia mình là trung tâm và coi thường các nước bị họ coi là nhược tiểu xung quanh như Tây Nhung, Bắc Địch, Đông Di, Nam Man. Tên gọi các nước láng giềng (Nhung, Địch, Di, Man) qua cách viết của chữ Hán đã thể hiện rõ thái độ này. Thêm nữa, khái niệm “Thiên hạ” có từ trong *Kinh Thi* – tổng tập thơ ca dân gian (xuất hiện từ thế kỉ XI đến thế kỉ VII TCN) do người Trung Quốc đưa ra cũng đã thể hiện quan niệm muốn làm bá chủ thế giới. Khái niệm “Thiên hạ” được giải thích là dưới bầu trời này, đất nào cũng là đất của nhà vua, con dân nào cũng là con dân của nhà vua. Nếu như quan niệm mô hình thế giới ở phương Tây là hình lưới,

CHỈ MỤC

- A**
Ai Cập, 9, 14, 25, 46
- B**
Bàng hoàng, 195, 372 - 374, 379, 380, 383, 390, 394, 406
- C**
cải cách, 25, 32, 157, 158, 179 - 181, 184, 301, 354, 372, 378
cải cách chính trị, 25, 157
chế độ phong kiến, 15, 19, 49, 62, 257, 258, 368, 390, 393
chiến tranh, 16, 17, 19, 24, 25, 34, 55, 59, 65 - 68, 86, 91, 92, 99, 111, 119 - 122, 125, 127, 164, 233, 236, 238 - 244, 247, 248, 252 - 254, 257, 262, 266, 274 - 276, 301, 302, 304, 306, 335, 338, 343 - 345, 350, 359, 367, 368, 395, 423
chủ nghĩa lãng mạn, 113, 115, 174, 277, 301
Cổ sự kí, 37, 225 - 232, 329
- D**
điệp tự, 74, 75
điệp vận, 74, 75
Đỗ Phủ, 79, 81 - 83, 85, 90, 94, 103, 105, 111, 116 - 126, 135, 149
đời sống hiện thực, 357, 395
- G**
Gào thét, 195, 373, 374, 379, 380, 383, 390, 394, 406
giao lưu, 6, 19, 20, 21, 26, 42, 351
giao lưu văn hoá, 11, 47, 80
gốc du mục, 10, 11, 46
gốc nông nghiệp, 10, 11, 14, 46
- H**
Hồng lâu mộng, 44, 49, 256, 260, 261, 291 - 296, 298 - 300
- K**
Kawabata, 46, 302 - 308, 310 - 334, 342, 437, 441
khuynh hướng, 25, 30, 79, 100, 107, 113, 116, 126, 157, 174, 176, 179, 180, 181, 184, 197, 216, 290
kí, 43 - 45, 127, 151 - 153, 157, 199, 302, 312, 333, 336 - 342, 344, 346, 348, 366, 367, 384, 390 - 394, 406, 428, 438, 439, 443, 435, 436
kịch Noh, 35, 46, 334, 408, 421 - 427
Kim Bình Mai, 44, 256, 259, 260, 287 - 291, 294, 300
Kinh Thi, 13, 46, 54 - 64, 68, 71 - 77, 85, 199
kinh *Veda*, 160, 206 - 208, 220, 222, 223, 239, 240
- L**
lịch sử xã hội, 17, 19, 20, 181, 184
Liêu trai chí dị, 46, 203, 261, 362 - 367
Lỗ Tấn, 46, 195, 255, 262, 269, 277, 280, 295, 354, 366 - 374, 376 - 379, 381, 383 - 386, 388 - 392, 394, 395 - 406, 428
loại thể văn học, 42, 45
Lôi vũ, 428 - 433, 435, 436
Lý Bạch, 79 - 81, 83, 85, 89, 103 - 116, 121, 123, 126, 135
- M**
Mạc Ngôn, 46, 352 - 361, 366
Mahabharata, 29, 206, 210, 220, 222, 223, 233, 234, 237 - 244, 246, 250, 409, 438, 439, 440, 441
Matsuo Basho, 129, 152 - 155, 437
motif, 199, 253, 254, 345 - 351, 400
Murakami, 46, 332 - 339, 341 - 351
- N**
Nhật Bản, 6, 9, 21, 30 - 42, 46, 48, 52, 54, 127 - 129, 130, 132 - 135, 139, 141, 142, 145, 149, 150 - 156, 190, 225 - 232, 301 - 307, 309 - 312, 314 - 317, 319, 320 - 324, 326, 328, 329, 331 - 334, 339, 342, 371, 407, 408, 421, 422, 424 - 427, 437 - 441
nôi văn minh, 13, 24, 46, 198
- P**
phê phán, 56, 91, 94, 97, 101, 105, 107, 109, 111, 112, 120, 147, 164, 175, 189, 239, 244, 246, 282, 290, 323, 326, 350, 364, 365, 379, 383, 386, 390, 397, 401, 433, 434
phục hưng văn hoá, 20, 21
- Q**
quan niệm sáng tác, 118, 389, 406

S

- sáng tác văn học, 42, 48, 89, 175, 277, 279, 352, 357
Shakuntala, 46, 217, 407, 409 - 413, 415 - 420
 sử thi, 28, 29, 43, 44, 46, 48, 176, 196, 197, 209 - 211, 217, 222, 223, 233, 234, 237 - 239, 241 - 254, 315, 316, 409, 415, 438 - 440

T

- tác gia, 5 - 7, 12, 41, 42, 47, 48, 50, 51, 103, 180, 183, 187, 335, 351, 353, 358, 424, 428
 Tagore, 46, 131, 134, 137, 156 - 173, 441
Tam quốc diễn nghĩa, 259, 260, 262 - 265, 266 - 270, 272, 274 - 276, 283, 300, 352
 tản văn, 43, 45, 192, 256, 354, 362, 436
 Tào Ngưu, 46, 262 - 265, 428 - 433, 435, 436
Tây du kí, 203, 256, 259, 260, 277, 278, 280 - 286, 300, 316
 thần thoại, 23, 27, 28, 36, 37, 43 - 46, 166, 167, 196 - 214, 216 - 218, 220 - 232, 237, 248, 253, 256, 277, 283, 305, 312, 329, 334, 335, 394, 395, 397, 399, 417, 437, 439, 441
 thể loại, 5 - 7, 12, 20, 29, 42 - 45, 51, 52, 72, 78, 87, 91, 101, 102, 123, 125, 128 - 131, 160, 167, 173, 175, 180, 195, 196, 199, 202, 203, 233, 237, 254 - 256, 259, 261, 302, 307, 362, 372, 373, 387, 400, 408, 424, 427, 438
 thi pháp, 51, 54, 72, 130, 142, 167, 179, 186, 191, 437
 thơ cổ thể, 45, 80, 103, 113
 thơ Đường, 46, 49, 78 - 85, 87, 100, 103, 112, 115, 125, 134, 135, 143, 154, 156
 thơ haiku, 35, 46, 129 - 140, 142, 143, 145, 150 - 156, 315, 324, 325, 331, 334
Thơ mộng lung, 178 - 187, 189, 191 - 193
 thơ trữ tình, 43, 44, 53, 54, 134, 169, 176, 195
 thơ tự sự, 43, 44, 176
 thơ văn xuôi, 46, 160, 167, 173, 379
Thủy hử truyện, 44, 256, 259, 260, 263, 269 - 277, 283, 287, 294, 300
 tiểu thuyết chương hồi, 44, 46, 256 - 262, 271, 272, 276, 287, 289, 291, 294, 295, 298, 387, 428
 tiểu thuyết Minh Thanh, 255, 256, 260, 261, 268, 269, 291, 300, 362
 tôn giáo, 5, 14, 22, 25, 28 - 30, 32, 33, 35 - 37, 47, 48, 80, 142, 157, 162, 163, 165, 168, 170, 171, 199, 202, 206 - 208, 215, 218 - 220, 225, 230, 232, 254, 277, 278, 281, 282, 305, 316, 317, 335, 338, 345, 349, 356, 398, 408, 419, 433, 439
 trào lưu văn học, 12, 41, 42, 301, 302, 394

- trữ tình, 6, 43, 45 - 47, 53, 54, 60, 61, 67, 73, 89, 95, 96, 100, 103, 109, 113, 114, 116, 123, 134, 169, 170, 175, 176, 177, 184 - 187, 189, 192, 194, 195, 306, 390
 Trung Quốc, 6, 12 - 17, 19, 20, 21, 26, 32 - 34, 36 - 38, 39, 41 - 44, 46, 48, 51, 52, 54, 59, 60, 64, 68, 72, 77, 78, 84, 89, 103, 116, 120, 121, 127, 131, 164, 174 - 193, 197, 198 - 204, 206, 230, 232, 255 - 259, 261, 262, 264, 268, 269, 272 - 274, 276 - 278, 280, 282, 284 - 289, 291, 292, 295, 299, 300, 314, 316, 351 - 360, 363, 365 - 368, 370 - 373, 375, 384 - 391, 393, 395, 405, 407, 422, 424, 428, 429, 430, 434, 436
 truyện ngắn, 46, 160, 195, 196, 255, 303, 309, 310, 314, 325, 333, 346, 354, 360, 362, 367, 369, 372, 373, 376 - 381, 390, 393 - 395, 406
 tự sự, 43 - 46, 53, 73, 95, 100, 103, 123, 180, 194, 195, 199, 233, 237, 256, 335, 336, 353, 358
 tư tưởng, 14, 17 - 19, 22, 25, 28 - 30, 33, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 47, 48, 54, 56, 72, 79, 80, 88, 89, 104 - 110, 113, 116 - 118, 120, 126, 132, 136, 143, 146, 156, 157, 159, 160, 162, 163, 165, 171, 175, 181, 184, 188, 193, 195, 203, 206, 208, 218 - 220, 225, 230, 238, 257 - 259, 261, 264, 268, 271, 272, 276, 277, 280, 282, 294 - 296, 301, 310, 323, 336, 349, 350, 360, 363, 365, 367, 368 - 373, 378, 379, 383 - 387, 392 - 395, 400, 401, 403, 404, 406, 411, 413, 419, 433 - 435, 437, 438

V

- văn hoá, 5 - 7, 9, 10, 12 - 15, 18 - 23, 25, 27, 28, 31 - 37, 39, 41, 42, 46, 47, 51, 52, 59, 79, 80, 84, 128, 151, 154, 158 - 160, 174, 175, 177, 179, 180 - 185, 189, 190, 193, 196 - 199, 205, 206, 212, 214, 219, 228, 230, 234, 243, 256, 257, 259, 266, 268, 269, 272, 295, 298, 300, 301, 303, 305, 310, 313, 315, 316, 329, 330, 331, 334, 342, 343, 351 - 353, 355 - 357, 359, 360, 361, 370, 371, 409, 421, 422, 424, 426 - 429, 437 - 440
 văn hoá nông nghiệp, 10, 46
 văn học khu vực, 6, 42
 văn học phương Đông, 5 - 7, 12, 41, 42, 46, 47, 49, 50, 51, 52, 54, 72, 310, 316, 407
 Việt Nam, 5, 6, 9, 21, 23, 41, 42, 45, 50, 78, 103, 131, 133, 134, 213, 217, 219, 256, 268, 269, 274, 286, 291, 355, 366, 367, 420

GIÁO TRÌNH

THỂ LOẠI VÀ TÁC GIA TIÊU BIỂU VĂN HỌC PHƯƠNG ĐÔNG



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà số 128 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.3754.7735 | Email: nxb@hnue.edu.vn
Website: <http://nxbdhsp.edu.vn>

Địa chỉ mua sách tại:

* PHÒNG KINH DOANH

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà số 128 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.3754.9202 hoặc 024.3754.7911
Email: kinhdoanh.nxb@hnue.edu.vn

* TRUNG TÂM PHÁT HÀNH SÁCH VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

Địa chỉ: 136 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.3754.7708 | Email: sachsp.nxb@hnue.edu.vn

* GIAN HÀNG NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TẠI PHỐ SÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Phố 19 tháng 12, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Điện thoại: 091.784.2333 | Email: kiosphosach.nxb@hnue.edu.vn

Hotline: 090.228.6635



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN



Mã sách: 032000328

ISBN 978-604-5-



SGB2023001017

225,000 VND